TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2023
V/v "tranh chấp HNGĐ về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;

2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kim T, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Tổ XX, ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn K, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Tổ XX, ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Chị T và anh K có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim T trình bày:

Chị và anh K tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh cũng vào năm 2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, anh K có tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, anh K còn có hành vi bạo lực gia đình. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2020 đến nay nhưng không hàn gắn được. Nay thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn K.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 21/5/2018 và Lê Huỳnh Gia N, sinh ngày 21/10/2020, hiện đang sống với chị, ngoài ra không còn con chung nào khác. Khi ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh K không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2022 và ngày 16/12/2022 bị đơn anh Lê Văn K đã trình bày:

Về cơ sở hôn nhân, thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị T. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, ngoài ra anh làm tài xế chạy xe dịch vụ, ít có thời gian ở nhà, chị T nghi ngờ tình cảm của anh nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, trong lúc nóng giận thì anh cũng có đánh chị T. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Xét thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung tên Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 21/5/2018 và Lê Huỳnh Gia N, sinh ngày 21/10/2020, ngoài ra không còn con chung nào khác. Nay ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị T không có nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản tố tụng và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá

trình giải quyết, chị T và anh K có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh chị là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh K.

Về con chung: giao cháu Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 21/5/2018 và Lê Huỳnh Gia N, sinh ngày 21/10/2020 cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh K trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị Kim T phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh K, có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, chị T và anh K có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh K.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh K kết hôn vào năm 2014, được UBND xã A, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 101 ngày 27/8/2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị T và anh K phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, nghi ngờ tình cảm lẫn nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã; ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, vợ chồng không hàn gắn, đoàn tụ được.

Qua làm việc anh K cũng đồng ý ly hôn, đồng thời anh K và chị T có đơn xin xét xử vắng mặt cho thấy anh chị không có ý muốn hàn gắn, đoàn tụ, quan hệ hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh K là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh K thống nhất có 02 con chung tên Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 21/5/2018 và Lê Huỳnh Gia N, sinh ngày 21/10/2020. Xét thấy, trong thời gian hai vợ chồng ly thân, chị T đã nuôi con tốt, bảo đảm nhu cầu vật chất, tinh thần cho con; anh K cũng đồng ý giao hai con chung cho chị T nuôi nên xét thấy tiếp tục giao cháu H và cháu N cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị T và thành viên gia đình không được cản trở anh K thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh K không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Kim T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Kim T đối với anh Lê Văn K. Chị T được ly hôn với anh K.

2. Về con chung: Chị Huỳnh Thị Kim T và anh Lê Văn K có 02 con chung tên Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 21/5/2018 và Lê Huỳnh Gia N, sinh ngày 21/10/2020. Ly hôn, giao cháu H và cháu N cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị T và thành viên gia đình không được cản trở anh K thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Huỳnh Thị Kim T và anh Lê Văn K trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000

đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0022890 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Huỳnh Thị Kim T và anh Lê Văn K có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã An Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thúy An